

TÒA ÁN N DÂN  
HUYỆN TB  
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 50/2024/DS-ST  
Ngày: 22 – 5 – 2024  
V/v tranh chấp  
hợp đồng mua bán tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN N DÂN HUYỆN TB, TỈNH ĐỒNG THÁP

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Xuân Nữ.

*Các Hội thẩm N dân:*

1. Ông Lê Văn Hoàng;

2. Ông Lê Văn Dài.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Bích – Thư ký Tòa án N dân huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 22/5/2024, tại trụ sở Tòa án N dân huyện TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2023/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2024/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 02 năm 2024, Thông báo dời phiên tòa số: 93/TB-TA ngày 13 tháng 3 năm 2024, Thông báo mở lại phiên tòa số: 174/TB-TA ngày 03 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Phan Hiền N, sinh năm 1981 – Chủ hộ kinh Tuyệt L.

Địa chỉ: Số 832, ấp T, xã TT, huyện TB, Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông N: Ông Đặng Chí H, sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp 2, xã TM, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 29/9/2023).

2. *Bị đơn:* Trần Văn T, sinh năm 1958. Địa chỉ: Số 304, ấp T, xã TT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Võ Văn H2, sinh năm 1970. Địa chỉ: Số 303, ấp T, xã TT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn có ông Đặng Chí H là người đại diện hợp pháp trình bày:*

Ông Phan Hiền N – Chủ hộ kinh doanh Tuyệt L có kinh doanh cửa hàng vật tư nông nghiệp tên gọi là Tuyệt L. Trước ngày 01/3/2014, ông Trần Văn T có mua phân bón, thuốc trừ sâu của cửa hàng. Tính đến ngày 01/3/2014, ông T còn nợ cửa

hàng số tiền 31.967.000 đồng, ông T có làm biên nhận nợ. Từ ngày 01/3/2014 đến nay, ông T không trả được cho ông N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L khoản tiền nào. Việc ông T viết giấy nợ ngày 01/3/2014 thì ông T tinh táo, tinh thần minh mẫn, không bị ép buộc, đe dọa.

Theo đơn khởi kiện, ông N – Chủ hộ kinh Tuyết L yêu cầu ông T trả tiền mua bán tài sản còn nợ là 62.083.000 đồng, trong đó tiền gốc là 31.967.000 đồng, tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 01/3/2014 đến ngày 29/9/2023 là 31.967.000 đồng; yêu cầu tiếp tục trả lãi với lãi suất 0,8%/tháng số tiền 62.083.000 đồng từ ngày 29/9/2023 đến khi ông T hoàn thành việc trả nợ.

Tại phiên tòa, ông N – Chủ hộ kinh Tuyết L yêu cầu ông T trả nợ gốc là 31.967.000 đồng; rút yêu cầu trả tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 01/3/2014 đến ngày 29/9/2023 là 30.247.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 0,8%/tháng của số tiền 62.083.000 đồng từ ngày 29/9/2023 đến khi trả xong.

*- Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn Trần Văn T trình bày:*

Trước đây, ông Trần Văn T và ông Võ Văn H2 có hùn làm rẫy, quá trình canh tác hai ông có đến Cửa hàng vật tư nông nghiệp Tuyết L để mua phân bón, thuốc trừ sâu. Tính đến ngày 02/12/2011, ông T và ông H2 còn nợ của ông Phan Hiền N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu là 7.642.000 đồng, cửa hàng có ghi sổ mua hàng và giao cho ông T giữ 01 quyển.

Ngày 01/3/2014, bà Tuyết là mẹ của ông N đến nhà gặp ông T và yêu cầu ông ghi nợ số tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu của Cửa hàng Vật tư nông nghiệp Tuyết L là 31.967.000 đồng, số tiền này là không đúng, do bà Tuyết tính cả tiền lãi của số tiền 7.642.000 đồng. Khi làm giấy nợ tinh thần ông T không minh mẫn do có uống rượu và ông chỉ có nợ số tiền là 7.642.000 đồng. Với thời gian nợ đã quá lâu, kinh tế ông T gặp khó khăn. Nay ông T chỉ đồng ý cùng ông H2 trả cho ông N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ là 7.642.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

*- Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn H2 trình bày:* Ông H2 có hùn làm rẫy với ông T, quá trình canh tác hai ông có đến Cửa hàng Vật tư nông nghiệp Tuyết L mua phân bón, thuốc trừ sâu. Tính đến ngày 02/12/2011, ông H2, ông T còn nợ tiền phân bón, thuốc trừ sâu của Cửa hàng Vật tư nông nghiệp Tuyết L là 7.642.000 đồng, thể hiện tại sổ mua hàng do cửa hàng ghi cho ông T. Vì vậy, nay ông H2 chỉ đồng ý cùng ông T trả cho ông Phan Hiền N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L tiền mua phân bón, thuốc trừ sâu còn nợ là 7.642.000 đồng, không đồng ý trả lãi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Qua yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh

chấp về dân sự hợp đồng mua bán tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Trần Văn T có địa chỉ tại xã TT, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án N dân huyện TB theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất có mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu của ông Phan Hiền N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L về việc yêu cầu ông Trần Văn T có trách nhiệm trả tiền mua bán tài sản còn nợ là 62.214.000 đồng, rút yêu cầu trả lãi với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 01/3/2014 đến ngày 29/9/2023 là 30.247.000 đồng, tiền lãi với lãi suất 0,8%/tháng của số tiền 62.083.000 đồng từ ngày 29/9/2023 đến khi trả xong. Xét thấy:

Căn cứ Giấy công nhận nợ ngày 01/3/2014 thể hiện ông T nợ Cửa hàng Vật tư nông nghiệp Tuyết L số tiền mua bán vật tư nông nghiệp là 31.967.000 đồng. Từ ngày 01/3/2014 đến nay, ông T chưa trả cho Cửa hàng Vật tư nông nghiệp Tuyết L khoản tiền nào. Ông H2 thống nhất có trách nhiệm cùng ông T trả nợ cho ông N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L.

Ông T và ông H2 chỉ đồng ý trả cho ông N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L số tiền là 7.642.000 đồng ngày 02/12/2011. Xét ý kiến của ông T, ông H2 là chưa có cơ sở chấp nhận, bởi căn cứ Sổ mua hàng do ông T cung cấp ghi nhận tiền nợ ngày 02/12/2011 là 7.642.000 đồng, sau đó ngày 01/3/2014 ông T xác nhận nợ Cửa hàng Vật tư nông nghiệp Tuyết L số tiền 31.967.000 đồng, ông T và ông H2 không chứng minh được việc ông T xác nhận nợ số tiền 31.967.000 đồng ngày 01/3/2014 ông T không nhận thức và làm chủ được hành vi của mình.

Do đó, ông N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L yêu cầu ông T trả tiền mua bán tài sản còn nợ là 31.967.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Ông T và ông H2 cùng có trách nhiệm trả cho ông N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L số tiền nợ 31.967.000 đồng.

Về tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 01/3/2014 đến ngày 29/9/2023 là 30.247.000 đồng và tiền lãi với lãi suất 0,8%/tháng của số tiền 62.083.000 đồng từ ngày 29/9/2023 đến khi trả xong, do ông N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L rút yêu cầu nên Hội đồng xét xử đình chỉ đối với yêu cầu này của ông.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông T, ông H2 có trách nhiệm trả nợ, nên ông T, ông H2 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Nhưng hai ông có đơn xin miễn án phí do ông T là người cao tuổi, ông H2 thuộc hộ cận nghèo, nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, các Điều 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hiền N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L.

Buộc ông Trần Văn T, ông Võ Văn H2 có trách nhiệm trả cho ông Phan Hiền N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L số tiền mua bán tài sản còn nợ là 31.967.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên pH thi hành án còn pH chịu khoản tiền lãi của số tiền còn pH thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phan Hiền N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L về yêu cầu ông Trần Văn T trả tiền lãi với lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 01/3/2014 đến ngày 29/9/2023 là 30.247.000 đồng, tiền lãi với lãi suất 0,8%/tháng của số tiền 62.083.000 đồng từ ngày 29/9/2023 đến khi trả xong.

Về án phí:

Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Trần Văn T, ông Võ Văn H2.

Trả cho ông Phan Hiền N – Chủ hộ kinh doanh Tuyết L tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.552.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000341 ngày 10/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN  
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Lê Văn Hoàng – Lê Văn Dài**

**Trần Xuân Nữ**

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- VKSND H. TB;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Xuân Nữ**